

Số: /2026/TT-BNV Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, Mục của Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo) về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục I như sau:

“1. Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định làm việc trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Mục I như sau:

“5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, chiến sĩ, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân trong biên chế đang công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân”.

3. Thay thế cụm từ “Mức lương tối thiểu chung” bằng cụm từ “Mức lương cơ sở” tại điểm a khoản 2 Mục II.

4. Thay thế cụm từ “các cơ quan, đơn vị đóng tại địa phương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân huyện), Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm đề nghị” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có văn bản đề nghị” tại điểm a khoản 1 Mục III.

5. Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” trong toàn bộ nội dung của Thông tư liên tịch 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND.

6. Thay thế cụm từ “Bộ Nội vụ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Dân tộc và Tôn giáo” trong toàn bộ nội dung của Thông tư liên tịch 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND.

7. Thay thế “Phụ lục mức phụ cấp khu vực của các địa phương, đơn vị” ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND” bằng “Phụ lục danh sách các địa bàn áp dụng phụ cấp khu vực” ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Bỏ cụm từ “và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước” tại phần căn cứ ban hành Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND.

9. Bỏ cụm từ “Đối với các công ty nhà nước, phụ cấp khu vực được tính vào đơn giá tiền lương và hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh” tại điểm a khoản 4 Mục II.

10. Bỏ cụm từ “công ty nhà nước” trong toàn bộ nội dung của Thông tư liên tịch 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND.

11. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 6 Mục I.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày thángnăm 2026 và thay thế Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BTC-BLĐT BXH-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 về hướng dẫn thực hiện phụ cấp khu vực.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban Đảng ở Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Cục TL&BHXH (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương

DANH SÁCH CÁC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG PHỤ CẤP KHU VỰC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNV
ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

STT	TÊN ĐỊA BÀN (tỉnh, xã, đơn vị)	MỨC PHỤ CẤP KHU VỰC
I	TỈNH TUYÊNG QUANG	
1	Các xã: Yên Minh, Bạch Đích, Thảng Mố, Du Già, Đường Thượng, Mậu Duệ, Ngọc Long, Quán Bạ, Lũng Tám, Tùng Vài, Nghĩa Thuận, Cán Tỷ, Quảng Nguyên, Khuôn Lũng, Nấm Dẩn, Trung Thịnh, Pà Vầy Sủ, Xín Mần, Thông Nguyên, Hồ Thầu, Nậm Dịch, Tân Tiến, Hoàng Su Phì, Thàng Tín, Bản Máy, Pờ Ly Ngài, Mèo Vạc, Tát Ngà, Niêm Sơn, Sủng Máng, Khâu Vai, Sơn Vĩ, Lao Chải, Thanh Thủy, Minh Tân, Đồng Văn, Sà Phìn , Phố Bàng, Lũng Cú, Lũng Phìn.	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Lâm Bình, Thượng Lâm, Nà Hang , Hồng Thái, Yên Hoa, Côn Lôn, Thượng Nông, Thuận Hoà, Tùng Bá, Phú Linh, Cao Bồ, Vị Xuyên, Linh Hồ, Bạch Ngọc, Việt Lâm, Thượng Sơn, Tân Quang, Đồng Tâm, Liên Hiệp, Bằng Hành, Bắc Quang, Hùng An, Vĩnh Tuy, Đồng Yên, Minh Ngọc, Minh Sơn, Bắc Mê, Giáp Trung, Yên Cường, Đường Hồng, Ngọc Đường, Quang Bình, Tân Trịnh, Yên Thành, Bằng Lang, Xuân Giang, Tiên Yên, Tiên Nguyên. - Các phường: Phường Hà Giang 1, Phường Hà Giang 2.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Bình An, Minh Quang, Kiến Thiết, Hùng Lợi, Tri Phú, Kiên Đài, Tân Mỹ, Trung Hà, Bạch Xa, Phù Lưu, Bình Xa, Tân An .	Hệ số 0,4
4	Các xã: Tân Trào, Minh Thanh, Tân Thanh, Lục Hành, Trung Sơn, Chiêm Hóa, Kim Bình, Yên Lập, Hòa An, Yên Nguyên, Hàm Yên, Yên Phú, Thái Sơn, Thái Hòa, Hùng Đức, Xuân Vân .	Hệ số 0,3
5	- Các phường: Minh Xuân, An Tường, Mỹ Lâm, Nông Tiến, Bình Thuận. - Các xã: Sơn Dương, Bình Ca, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Yên Sơn, Nhữ Khê, Tân Long, Thái Bình.	Hệ số 0,2
II	TỈNH CAO BẰNG	
1	Các xã: Bảo Lạc, Hưng Đạo, Xuân Trường, Cô Ba , Khánh Xuân, Cốc Pàng, Huy Giáp, Sơn Lộ, Bảo Lâm, Nam	Hệ số 0,7

	Quang, Lý Bôn, Quảng Lâm, Yên Thô, Hạ Lang, Quang Long, Vinh Quý, Lý Quốc, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cột, Tam Kim, Phan Thanh, Phục Hòa, Bế Văn Đàn, Trùng Khánh, Quang Hán, Đoài Dương, Đàm Thủy, Đình Phong, Quang Trung.	
2	Các xã: Thanh Long, Cấn Yên, Thông Nông, Trường Hà, Nguyễn Huệ, Hòa An, Nam Tuấn, Bạch Đằng, Minh Tâm, Nguyễn Bình, Tĩnh Túc, Ca Thành, Thành Công, Quảng Uyên, Độc Lập, Hạnh Phúc, Đông Khê, Thạch An, Đức Long, Canh Tân, Minh Khai, Trà Lĩnh.	Hệ số 0,5
3	Xã Kim Đồng, Phường Tân Giang.	Hệ số 0,4
4	Các phường: Thục Phán, Nùng Trí Cao.	Hệ số 0,3
III	TỈNH LAI CHÂU	
1	Các xã: Mường Kim, Khoen On, Nậm Sỏ, Tả Lèng, Khun Há, Sin Suối Hồ, Đào San, Sì Lở Lầu, Khổng Lào, Tủa Sín Chải, Sìn Hồ, Hồng Thu, Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Cuối, Nậm Mạ, Lê Lợi, Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum, Pa Tàn, Bum Nưa, Bum Tở, Mường Tè, Thu Lũm, Pa Ủ, Mù Cả, Tả Tổng, Phong Thổ, Tân Uyên, Pắc Ta. - Các phường: Tân Phong, Đoàn Kết.	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Than Uyên, Mường Than, Mường Khoa, Bản Bo, Bình Lư.	Hệ số 0,5
IV	TỈNH LÀO CAI	
1	Các xã: Si Ma Cai, Sín Chéng, Minh Lương, Nậm Xé, A Mú Sung, Y Tý, Dền Sáng, Mường Hum, Bản Xèo, Tả Củ Tỷ, Lùng Phình, Bắc Hà, Bản Liên, Bảo Nhai, Cốc Lầu, Bản Lầu, Mường Khương, Pha Long, Cao Sơn, Nghĩa Đô, Tả Phìn, Tả Van, Bản Hồ, Mường Bo, Ngũ Chỉ Sơn, Ché Tạo, Nậm Có, Lao Chải, Khao Mang, Mù Cang Chải, Púng Luông, Tú Lệ, Tả Xi Láng, Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ, Bát Xát.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Võ Lao, Khánh Yên, Dương Quỳnh, Chiềng Ken, Nậm Chày, Trịnh Tường, Gia Hội, Sơn Lương, Văn Chấn, Phong Dụ Thượng, Phong Dụ Hạ, Tân Hợp, Xuân Ái, Mỏ Vàng, Lâm Thượng, Cốc San .	Hệ số 0,5
3	- Các xã: Văn Bàn, Phong Hải, Tằng Loỏng, Thượng Hà, Xuân Hoà, Bảo Hà, Lâm Giang, Lục Yên, Tân Lĩnh, Hưng Khánh, Quy Mông, Gia Phú . - Các phường: Lào Cai, Sa Pa, Nghĩa Lộ.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Bảo Thắng, Bảo Yên, Phúc Khánh, Hợp Thành, Liên Sơn, Cát Thịnh, Thượng Bằng La, Chấn Thịnh, Nghĩa	Hệ số 0,3

	Tâm, Châu Quế, Đông Công, Mậu A, Khánh Hòa, Phúc Lợi, Mường Lai, Cẩm Nhân, Yên Thành, Trấn Yên, Lương Thịnh, Việt Hồng, Xuân Quang . - Các phường: Cam Đường, Trung Tâm, Cầu Thia, Văn Phú, Nam Cường, Âu Lâu.	
5	- Các xã: Thác Bà, Yên Bình, Bảo Ái. - Phường Yên Bái.	Hệ số 0,2
V	TỈNH THÁI NGUYÊN	
1	Các xã: Bằng Thành, Thượng Quan, Văn Lang, Xuân Dương, Nghiên Loan, Cao Minh, Đồng Phúc, Ngân Sơn, Vĩnh Thông, Cường Lợi, Côn Minh.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Định Hóa, Phượng Tiên, Lam Vỹ, Kim Phượng, Bình Yên, Phú Đình, Dân Tiến, Nghinh Tường, Thần Sa, Sảng Mộc, Thượng Minh, Bằng Vân, Hiệp Lực, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, Trần Phú, Yên Bình, Ba Bể, Chợ Rã, Phúc Lộc, Bạch Thông, Phong Quang, Na Rì, Tân Kỳ .	Hệ số 0,5
3	Các xã: Trung Hội, Bình Thành, Văn Lãng, Nà Phặc, Phủ Thông, Cẩm Giàng, Thanh Mai.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Quang Sơn, Thanh Thịnh, Chợ Mới. - Các phường: Đức Xuân, Bắc Kạn.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Phú Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành, Đại Từ, Vạn Phú, Quân Chu, La Bằng, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Đức Lương, Phú Lạc, Nam Hòa, Văn Hán, Trại Cau, Võ Nhai, Tràng Xá, La Hiên. - Phường Phúc Thuận.	Hệ số 0,2
6	Các xã: Thành Công, An Khánh, Tân Thành, Tân Khánh, Đồng Hỷ.	Hệ số 0,1
VI	TỈNH ĐIỆN BIÊN	
1	Các xã: Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè, Quảng Lâm, Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Na Sơn, Xa Dung, Pu Nhi, Mường Luân, Tì Đỉnh, Phình Giàng, Nà Hỷ, Mường Chà, Nà Búng, Chà Tở, Si Pa Phìn, Pa Ham, Nậm Nèn, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà.	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Mường Ảng, Nà Tấu, Búng Lao, Mường Lạn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Phăng, Mường Pồn, Na Sang, Mường Tùng, Thanh Nưa, Thanh An. - Các phường: Mường Lay, Điện Biên Phủ, Mường Thanh.	Hệ số 0,5
VII	TỈNH LẠNG SƠN	
1	Các xã: Đoàn Kết, Quốc Việt, Cao Lộc, Công Sơn, Ba Sơn,	Hệ số 0,7

	Kiên Mộc, Mẫu Sơn, Khuất Xá, Kháng Chiên,	
2	Các xã: Tân Tiên, Khánh Khê, Nhất Hoà, Quý Hoà, Thiện Hoà, Thuy Hùng, Hội Hoan, Thống Nhất, Quốc Khánh, Xuân Dương, Tân Tri, Thiện Long, Văn Lăng, Hưng Vũ, Hữu Liên, Quan Sơn, Điềm He, Tri Lễ, Đồng Đăng, Châu Sơn, Hoa Thám, Hoàng Văn Thụ.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Tràng Định, Vũ Lăng, Yên Bình, Chiến Thắng, Thiện Thuật, Lợi Bác, Thiện Tân, Nhân Lý, Thất Khê, Na Dương, Vũ Lễ, Văn Quan, Bằng Mạc, Thái Bình, Tân Văn, Na Sầm.	Hệ số 0,4
4	Các xã: Yên Phúc, Tân Đoàn, Bắc Sơn, Cai Kinh, Vân Nham, Tân Thành, Chi Lăng, Vạn Linh, Đình Lập, Bình Gia, Hồng Phong, Lộc Bình. - Các phường: Kỳ Lừa, Đông Kinh.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Hữu Lũng, Tuấn Sơn. - Các phường: Lương Văn Tri, Tam Thanh.	Hệ số 0,2
VIII	TỈNH SƠN LA	
1	Các xã: Mường Chiên, Mường Sại, Co Mạ, Long Hẹ, Mường Bám, Mường La, Chiềng Lao, Chiềng Hoa, Ngọc Chiến, Bắc Yên, Tà Xùa, Tạ Khoa, Xím Vàng, Pắc Ngà, Chiềng Sại, Gia Phù, Kim Bôn, Suối Tọ, Bó Sinh, Chiềng Khương, Chiềng Khoong, Mường Lầm, Nậm Ty, Sốp Cộp, Púng Bính, Mường Lạn, Mường Lèo.	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Đoàn Kết, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Tân Yên, Vân Hồ, Song Khủa, Tô Múa, Xuân Nha, Quỳnh Nhai, Mường Giôn, Thuận Châu, Chiềng La, Nậm Lầu, Muối Nọi, Mường Khiêng, Bình Thuận, Mường É, Mường Bú, Phù Yên, Tường Hạ, Mường Cơi, Mường Bang, Tân Phong, Yên Châu, Chiềng Hạc, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Phiêng Khoài, Chiềng Mai, Mai Sơn, Phiêng Păn, Chiềng Mung, Phiêng Cầm, Mường Chanh, Tà Hộc, Chiềng Sung, Mường Hung, Sông Mã, Huổi Một, Chiềng Sơ. - Các phường: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên.	Hệ số 0,5
IX	TỈNH PHÚ THỌ	
1	Các xã: Cao Sơn, Đức Nhân, Quy Đức, Tân Pheo, Mai Châu, Bao La, Pà Cò, Tân Mai.	Hệ số 0,5
2	Các xã: Đà Bắc, Tiên Phong, Ngọc Sơn, Mai Hạ, Vân Sơn, Khả Cửu.	Hệ số 0,4
3	- Các xã: Thượng Long, Sơn Lương, Xuân Viên, Trung Sơn, Tân Sơn, Xuân Đài, Long Cốc, Cao Phong, Mường Thàng, Thung Nai, Mường Động, Dũng Tiến, Nật Sơn,	Hệ số 0,3

	Mường Vang, Nhân Nghĩa, Quyết Thắng, Thượng Cốc, Yên Phú, An Bình, Mường Hoa, Toàn Thắng, Lạc Lương, Đạo Trù, Văn Miếu, Lai Động. - Đơn vị khác: Đài phát sóng Tam Đảo.	
4	- Các xã: Yên Lập, Minh Hòa, Hùng Việt, Đông Lương, Võ Miếu, Cự Đồng, Hương Càn, Yên Sơn, Minh Đài, Thu Cúc, Yên Lãng, Kim Bôi, Hợp Kim, Lạc Sơn, Đại Đồng, Lạc Thủy, An Nghĩa, Lương Sơn, Cao Dương, Liên Sơn, Tân Lạc, Mường Bi, Yên Trị, Thịnh Minh, Kỳ Sơn, Tân Hòa, Thanh Sơn, Đại Đình.	Hệ số 0,2
5	- Các xã: Hạ Hòa, Đan Thượng, Yên Kỳ, Vĩnh Chân, Văn Lang, Hiền Lương, Đoan Hùng, Tây Cốc, Chân Mộng, Chí Đám, Bằng Luân, Thanh Ba, Quảng Yên, Hoàng Cương, Đông Thành, Chí Tiên, Phù Ninh, Dân Chủ, Phú Mỹ, Trạm Thán, Bình Phú, Cẩm Khê, Phú Khê, Tiên Lương, Vân Bán, Tam Nông, Thọ Văn, Vạn Xuân, Hiền Quan, Xuân Lũng, Thanh Thủy, Đào Xá, Tu Vũ, Hy Cương, Bình Tuyên, Hợp Lý, Tam Đảo, Yên Thủy, Tam Dương Bắc, Hải Lựu, Tam Sơn, Lập Thạch, Thái Hòa, Liên Hòa. - Các phường: Xuân Hòa, Hoà Bình, Thống Nhất.	Hệ số 0,1
X	TỈNH BẮC NINH	
1	Các xã: Đông Kỳ, Xuân Lương.	Hệ số 0,3
2	- Các xã: Tuấn Đạo, Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, An Lạc, Vân Sơn, Biể Động, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Nam Dương, Lục Sơn, Trường Sơn, Bồ Hạ, Tam Tiến. - Đơn vị khác: Trường bắn quốc gia khu vực 1 (trước đây là Trung tâm huấn luyện Cẩm Sơn).	Hệ số 0,2
3	- Các xã: Yên Định, Lục Ngạn, Kiên Lao, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bảo Đài, Kép, Yên Thế. - Các phường: Chũ, Phượng Sơn.	Hệ số 0,1
XI	TỈNH QUẢNG NINH	
1	- Xã Hoàn Mô. - Đặc khu Cô Tô. - Các đơn vị khác: Trạm đèn đảo Thanh niên (Hòn Sỏi Đen).	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Vĩnh Thực, Lương Minh, Ba Chẽ, Cái Chiên, Đường Hoa, Quảng Đức, Quảng Tân, Lục Hồn, Bình Liêu, Hải Sơn, Diên Xá, Kỳ Thượng. - Đặc khu Vân Đồn.	Hệ số 0,5
3	- Các xã: Hải Lạng, Đông Ngũ, Thống Nhất, Quảng La.	Hệ số 0,4

	- Các phường: Vàng Danh, Mông Dương, Hoành Bồ.	
4	- Xã: Tiên Yên. - Phường Yên Tử.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Hải Ninh, Quảng Hà, Đầm Hà, Hải Hòa. - Các phường: Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3, Bình Khê, An Sinh.	Hệ số 0,2
6	- Các phường: Mạo Khê, Quang Hanh, Cửa Ông, Cẩm Phả. - Các đơn vị khác: Trạm đèn Cửa Ông.	Hệ số 0,1
XII	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
1	Xã Yên Xuân.	Hệ số 0,2
XIII	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	
1	Đặc khu Bạch Long Vĩ.	Hệ số 0,7
2	Đảo Long Châu.	Hệ số 0,5
3	- Đặc khu Cát Hải. - Đơn vị khác: Trạm đèn đảo Ai-Van.	Hệ số 0,4
4	Đơn vị khác: Các Trạm đèn đảo: Bãi Cát, Ađiô, I Cút, Đường Rừng.	Hệ số 0,3
5	- Các phường: Chu Văn An, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Lê Đại Hành, Nhị Chiểu. - Các đơn vị khác: Đảo Hòn Dấu, Đài khí tượng thủy văn Phủ Liễn, các Trạm đèn đảo: Nhà Vàng, Nam Triệu, Cửa Cấm, Đình Vũ.	Hệ số 0,2
6	- Xã Nam An Phụ. - Các phường: Chí Linh, Kinh Môn, Trần Liễu, Bắc An Phụ, Phạm Sư Mạnh.	Hệ số 0,1
XIV	TỈNH NINH BÌNH	
1	Các xã: Cúc Phương, Phú Long.	Hệ số 0,4
2	Các xã: Nho Quan, Gia Lâm, Phú Sơn.	Hệ số 0,3
3	- Các xã: Gia Tường, Thanh Sơn, Quỳnh Lưu. - Các phường: Yên Sơn, Tam Chúc và Tây Hoa Lư. - Các đơn vị khác: Trại cải tạo phạm nhân Ninh Khánh.	Hệ số 0,2
4	- Phường: Tam Điệp.	Hệ số 0,1
XV	TỈNH THANH HÓA	
1	Các xã: Mường Lát, Mường Chanh, Quang Chiểu, Tam Chung, Pù Nhi, Nhi Sơn, Trung Lý, Mường Lý.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Yên Thắng, Yên Khương, Hiền Kiệt, Trung Thành, Cổ Lũng, Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy, Na Mèo, Thắng Lộc, Xuân Chinh, Bát Mọt, Yên Nhân, Vạn Xuân, Trung Sơn.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Văn Phú, Phú Lệ, Thanh Phong, Thanh Quân, Quý	Hệ số 0,4

	Luong, Pù Luông.	
4	- Các xã: Phú Xuân, Thành Vinh, Thạch Quảng, Nguyệt Án, Linh Sơn, Giao An, Nam Xuân, Thiên Phủ, Thượng Ninh, Hóa Qùy, Xuân Bình, Bá Thước, Điền Quang, Trung Hạ, Quan Sơn, Tân Thành, Xuân Thái, Cẩm Tú, Văn Nho. - Đơn vị khác: Đảo Hòn Me.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Vân Du, Thạch Bình, Xuân Du, Thanh Kỳ, Đồng Luong, Hôi Xuân, Cẩm Thạch, Như Xuân, Thiết Ống, Luận Thành, Như Thanh, Điền Lư, Lương Sơn. - Các đơn vị khác: Đảo Hòn Nẹ; Núi Xước thuộc xã Trường Lâm.	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Thọ Bình, Kim Tân, Ngọc Trạo, Quý Lộc, Sao Vàng, Xuân Tín, Mậu Lâm, Yên Thọ, Ngọc Lặc, Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn, Kiên Thọ, Cẩm Thủy, Cẩm Vân, Cẩm Tân, Thường Xuân. - Phường Trúc Lâm. - Các đơn vị khác: Các trạm đèn đảo Lạch Trào, Nghi Sơn.	Hệ số 0,1
XVI	TỈNH NGHỆ AN	
1	Các xã: Quế Phong, Tiên Phong, Thông Thụ, Tri Lễ, Mường Quàng, Mường Xén, Hữu Kiệm, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống, Tam Thái, Tam Quang, Nga My, Hữu Khuông, Nhân Mai.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Môn Sơn, Châu Khê, Tương Dương, Lượng Minh, Yên Na, Yên Hòa, Qùy Châu, Châu Tiến, Hùng Chân.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Mường Chông, Châu Hồng, Châu Lộc, Minh Hợp, Con Cuông, Cam Phục, Mậu Thạch, Bình Chuẩn, Châu Bình,	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Qùy Hợp, Mường Ham, Tam Hợp, Giai Xuân, Nghĩa Hành, Tiên Đồng, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mai, Anh Sơn, Nhân Hòa, Thành Bình Thọ, Tân Phú. - Đơn vị khác: Đảo Mắt.	Hệ số 0,3
5	Các xã: Tân Kỳ, Tân An, Nghĩa Đồng, Quỳnh Thắng, Hạnh Lâm, Hoa Quân, Kim Bảng, Sơn Lâm, Nghĩa Đàn, Nghĩa Thọ, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Vĩnh Tường.	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Tam Đông, Bích Hào, Nghĩa Lộc, Yên Xuân, Anh Sơn Đông, Đông Hiếu. - Các phường: Thái Hòa, Tây Hiếu. - Các đơn vị khác: Đảo Ngư, các Trạm đèn đảo: Cửa Hội, Cửa Lò.	Hệ số 0,1
XVII	TỈNH HÀ TĨNH	
1	Các xã: Sơn Kim 1, Sơn Kim 2.	Hệ số 0,5

2	Các xã: Kỳ Lạc, Kỳ Thương, Sơn Hồng, Hương Xuân.	Hệ số 0,4
3	Các xã: Kỳ Văn, Vũ Quang, Hương Bình, Phúc Trạch.	Hệ số 0,3
4	Các xã: Hoàn Sơn, Sơn Tây, Sơn Giang, Sơn Tiên, Kim Hoa, Mai Hoa, Thượng Đức, Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh.	Hệ số 0,2
5	- Các xã: Sông Trí, Hải Ninh, Vũng Áng, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Kỳ Hoa, Kỳ Khang, Cẩm Lạc, Thạch Xuân, Hồng Lộc, Tùng Lộc, Trường Lưu, Đồng Lộc, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Cổ Đạm, Đức Đồng, Hương Sơn, Tứ Mỹ. - Các đơn vị khác: Các trạm đèn Cửa Sót, Cửa Nhượng.	Hệ số 0,1
XVIII	TỈNH QUẢNG TRỊ	
1	- Các xã: Hướng Lập, Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, Lìa, A Dơi, La Lay, Tà Rụt, Đakrông, Trường Sơn, Thượng Trạch, Tuyên Lâm, Dân Hóa, Kim Điền, Kim Phú, Tân Thành . - Đặc khu Cồn Cỏ. - Đơn vị khác: Làng Ho-Vít Thù Lù thuộc xã Kim Ngân.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Lao Bảo, Kim Ngân, Tuyên Sơn, Minh Hóa, Bến Quan .	Hệ số 0,5
3	Các xã: Hướng Hiệp, Ba Lòng, Phú Trạch, Đồng Lê, Tuyên Bình, Tuyên Hóa, Phong Nha .	Hệ số 0,4
4	Các xã: Cồn Tiên, Bồ Trạch, Tuyên Phú.	Hệ số 0,3
5	Các xã: Cam Lộ, Hiếu Giang, Bắc Trạch, Nam Trạch, Tân Gianh, Hòa Trạch, Trung Thuần, Trường Phú, Tân Mỹ .	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Vĩnh Linh, Vĩnh Thủy, Đông Trạch. - Các đơn vị khác: Trạm đèn Cửa Giành, Trạm đèn Cửa Nhật Lệ, trạm đèn đảo Cửa Việt, Mũi Lay.	Hệ số 0,1
XIX	THÀNH PHỐ HUẾ	
1	Các xã: A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4.	Hệ số 0,7
2	Các xã: A Lưới 5, Khe Tre, Nam Đông, Long Quảng.	Hệ số 0,5
3	- Các xã: Lộc An, Phú Lộc, Hưng Lộc. - Các phường: Phú Bài.	Hệ số 0,3
4	- Xã Bình Điền. - Các phường: Phong Điền, Phong Thái.	Hệ số 0,2
5	- Xã Vinh Lộc. - Các phường: Hương Trà, Kim Long. - Đơn vị khác: Trạm đèn đảo Thuận An.	Hệ số 0,1
XX	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
1	Đặc khu Hoàng Sa.	Hệ số 1,0
2	Các xã: Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp, Avuong, Tây Giang,	Hệ số 0,7

	Hùng Sơn, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, Lê Dêê, La Êê, Nam Trà My, Trà Leng, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành.	
3	Các xã: Trà My, Trà Liên, Sông Vàng, Sông Kôn, Bến Hiên, Đông Giang, Phước Trà, Khâm Đức, Phước Hiệp.	Hệ số 0,5
4	Các xã: Quê Phước, Thạnh Mỹ, Lãnh Ngọc, Việt An.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Hiệp Đức, Tam Mỹ, Đức Phú, Tân Hiệp (Đảo Cù Lao Chàm), Thượng Đức, Sơn Cẩm Hà, Phú Thuận, Hà Nha, Thạnh Bình. - Các phường: Hải Vân. - Đơn vị khác: Trạm đèn biển Tiên Sa.	Hệ số 0,2
6	Các xã: Thu Bồn, Duy Xuyên, Nông Sơn, Quế Sơn, Đồng Dương, Thăng Phú, Tiên Phước, Phú Ninh, Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Vang. - Các phường: Liên Chiêu.	Hệ số 0,1
XXI	TỈNH QUẢNG NGÃI	
1	- Các xã: Ia Toi, Đăk Pxi, Đăk Rve, Đăk Kôi, Kon Đào, Ngọc Tụ, Sa Bình, Ya Ly, Đăk Pék, Đăk Plô, Xốp, Ngọc Linh, Đăk Môn, Bờ Y, Sa Loong, Dục Nông, Măng Đen, Kon Plông, Măng Bút, Đăk Sao, Đăk Tờ Kan, Tu Mơ Rông, Măng Ri, Rờ Koi, Đăk Long, Mô Rai, Ia Đal. - Đặc khu Lý Sơn.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Thanh Bông, Cà Đam, Tây Trà, Tây Trà Bông, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây, Sơn Tây Hạ, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo, Kon Braih, Đăk Tô, Sa Thầy.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Sơn Kỳ, Minh Long, Ba Tô, Ba Xa, Đặng Thủy Trâm, Đăk Hà, Sơn Linh.	Hệ số 0,4
4	Các xã: Đông Trà Bông, Trà Bông, Sơn Hà, Sơn Hạ, Sơn Thủy, Sơn Mai, Ba Tư, Ba Vinh, Ba Vì, Ba Dinh, Ngọc Bay, Ia Chim, Đăk Rơ Wa.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Thiện Tín, Ba Động. - Các phường: Kon Tum, Đăk Cẩm, Đăk BLA.	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Bình Minh, Trường Giang, Ba Gia, Trà Giang, Phước Giang, Nguyễn Nghiêm. - Đơn vị khác: Trạm đèn đảo Ba Làng An.	Hệ số 0,1
XXII	TỈNH GIA LAI	
1	Các xã: Ia Púch, Ia Mơ, Đak Rong, SRó, Ia Chia , Ia O, Ia Pnôn, Ia Dom, Ia Nan.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Gào, Ia Ly, Ia Khuơl, Ia Phí, Ia Boòng, Ia Lâu, Ia Pia, Ia Tôr, Al Bá , Ya Hội, Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Krong, Sơn Lang, Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, Đăk Song, Chợ Long, Pờ Tó, Ia Tul, Ia Dreh, Uar, Đak Somei,	Hệ số 0,5

	Lơ Pang, Kong Chiêng, Ia Grai, Ia Krái, Ia Hrung, Đúc Cơ, Ia Dok, Ia Krêl.	
3	Các xã: Chư Prông, Bàu Cạn, Bờ Ngoong, Ia Ko, Ia Pa, Phú Túc, Ia Rsai, KDang, Canh Liên, Vĩnh Sơn, An Toàn, An Vinh.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Biên Hồ, Chư Păh, Chư Sê, Chư Puh, Ia Le, Ia Hnú, Cửu An, Đak Pơ, Ia Rbol, Ia Sao, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao, Kon Gang, Ia Bằng, Mang Yang, Hra, Ayun, An Hoà, Nhơn Châu, Ân Tường, Canh Vinh. - Đơn vị khác: Trạm đèn đảo Cù lao Xanh, Lý Sơn.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Đak Đoa, Kim Sơn, Vạn Đức, Vân Canh, Bình Phú, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, An Lão. - Các phường: An Phú, An Khê, An Bình, Ayun Pa. - Đơn vị khác: Núi Gênh thuộc xã Đê Gi.	Hệ số 0,2
6	- Xã Cát Tiên. - Các phường: Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng. - Đơn vị khác: Trạm đèn đảo Phước Mai.	Hệ số 0,1
XXIII	TỈNH ĐẮK LẮK	
1	Các xã: Ea Súp, Ea Rôk, Ea Bung, Ia Rvê, Ia Lốp, Buôn Đôn, Ea Hiao, Dliê Ya, Yang Mao, Cư Pui, Krông Nô.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Ea Drông, Ea Wer, Ea Kiệt, Ea M'Droh, Cuôr Đăng, Cư M'gar, Ea Tul, Ea Khăl, Ea Drăng, Ea Wy, Ea H'leo, Krông Năng, Tam Giang, Phú Xuân, Tân Tiến, Ea Ô, Ea Knốp, Cư Yang, Ea Păl, M'Drăk, Ea Riêng, Cư M'ta, Krông Á, Cư Prao, Ea Trang, Hoà Sơn, Dang Kang, Krông Bông, Liên Sơn Đăk, Đăk Liêng, Nam Ka, Đăk Phoi.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Phú Mỹ, Tây Sơn, Ea Nuôi, Quảng Phú, Krông Búk, Cư Pong, Krông Pắc, Ea Phê, Vụ Bôn, Ea Kar, Ea Ning, Krông Ana, Dur Kmăl, Ea Na, Ea Ly, Ea Bá.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Sông Hình, Xuân Lãnh, Suối Trai, Pong Drang, Ea Knuéc, Ea Kly, Dray Bhang, Ea Ktur. - Các phường: Buôn Hồ, Cư Bao.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Đức Bình, Xuân Phước, Sơn Hoà, Vân Hoà. - Các phường: Tân An, Ea Kao.	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Đông Xuân, Tuy An Nam, Tuy An Tây, Hoà Phú. - Các phường: Buôn Ma Thuật, Tân Lập, Thành Nhất.	Hệ số 0,1
XXIV	TỈNH KHÁNH HÒA	
1	- Đặc khu Trường Sa.	Hệ số 1,0
2	Các xã: Nam Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Sơn, Anh Dũng.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Bắc Khánh Vĩnh, Bắc Ai Đông, Bắc Ai Tây,	Hệ số 0,3

	Thuận Bắc, Công Hải. - Đơn vị khác: Trạm đèn đảo Hòn Lớn.	
5	- Các xã: Nam Cam Ranh, Tây Ninh Hoà, Diên Thọ, Vĩnh Hải, Ninh Hải, Bắc Ái, Phước Hà, Mỹ Sơn. - Đơn vị khác: Đảo Hòn Tre, Trạm đèn đảo Hòn Chút, các đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Nam Ninh Hoà, Bắc Ninh Hoà, Hoà Trí, Suối Hiệp, Phước Hữu, Lâm Sơn, Cam Hiệp, Ninh Sơn . - Các phường: Hoà Thắng, Đông Ninh Hoà . - Các đơn vị khác: Các đảo: Trí Nguyên, Bích Đàm, Đàm Bấy, Đàm Già, Bãi Me, Bãi Trữ, Vũng Ngán, Hòn Một, Bán đảo Cam Ranh.	Hệ số 0,1
XXV	TỈNH LÂM ĐỒNG	
1	- Các xã: Tà Hine, Tà Năng, Đam Rông 1, Đam Rông 2, Đam Rông 3, Đam Rông 4, Đạ Tẻh 2, Đạ Tẻh 3, Cát Tiên 2, Cát Tiên 3, Đắc Wil, Nam Dong, Thuận An, Đắc Mil, Đắc Sắk, Nam Đà, Krông Nô, Nâm Nung, Quảng Phú, Đắc Song, Thuận Hạnh , Đức An, Trường Xuân, Quảng Sơn, Quảng Hoà, Tà Đùng, Quảng Khê, Quảng Trục, Quảng Tân, Tuy Đức, Quảng Tín, Nhân Cơ, Lạc Dương, Đạ Tẻh . - Đơn vị khác: Đảo Hòn Hải.	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Ka Đô, Quảng Lập, Phú Sơn Lâm Hà, Nam Hà Lâm Hà, Nam Ban Lâm Hà, Tân Hà Lâm Hà, Phúc Thọ Lâm Hà, Hoà Bắc, Sơn Điền, Bảo Lâm 3, Bảo Lâm 4, Bảo Lâm 5, Đạ Huoai, Đạ Huoai 3, Cát Tiên, Đồng Kho, La Dạ, Đông Giang, Cư Jút, Đức Lập, Kiến Đức, Đơn Dương, Đình Trang Thượng . - Các phường: Bắc Gia Nghĩa, Nam Gia Nghĩa, Đông Gia Nghĩa.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Ninh Gia, Đình Văn Lâm Hà, Bảo Thuận, Gia Hiệp, Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 2, Đạ Huoai 2, Tuy Phong, Hàm Thạnh.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: D'Ran, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tân Hội, Di Linh, Hoà Ninh, Nghị Đức, Bắc Ruộng, Phan Sơn, Hải Ninh. - Các phường: Lang Biang – Đà Lạt , 2 Bảo Lộc. - Đặc khu Phú Quý.	Hệ số 0,3
5	- Các xã: Tánh Linh, Suối Kiệt, Hòa Thắng, Sông Luỹ, Nam Thành. - Các phường: 1 Bảo Lộc, 3 Bảo Lộc, B'Lao, Xuân Trường – Đà Lạt, Cam Ly – Đà Lạt .	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Liên Hương, Tân Minh, Hàm Tân, Sơn Mỹ, Vĩnh Hảo, Lương Sơn, Trà Tân, Hoài Đức, Đức Linh, Hàm	Hệ số 0,1

	Thuận Bắc, Hàm Thuận, Tân Lập, Tân Thành. - Các phường: Xuân Hương – Đà Lạt, Lâm Viên – Đà Lạt.	
XXVI	TỈNH ĐỒNG NAI	
1	Các xã: Đăk Ô, Bù Gia Mập, Đăk Nhau.	Hệ số 0,7
2	Các xã: Đăk Lua, Bom Bo, Thọ Sơn.	Hệ số 0,5
3	Các xã: Nam Cát Tiên, Phú Lý, Phước Sơn.	Hệ số 0,4
4	Các xã: Thanh Sơn, Tà Lài, Phú Nghĩa, Đa Kia, Bù Đăng, Nghĩa Trung.	Hệ số 0,3
5	Các xã: Xuân Đông, Sông Ray, Xuân Hoà, Phú Vinh, Phú Hoà, Phú Lâm, Trị An, Phú Riêng, Phú Trung, Long Hà, Bình Tân, Lộc Tấn, Lộc Thành, Lộc Thạnh, Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước.	Hệ số 0,2
6	- Các xã: Dầu Giây, Bàu Hàm, Trảng Bom, An Viễn, Xuân Quế, Cẩm Mỹ, Xuân Đường, Xuân Định, Xuân Lộc, Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Bắc, La Ngà, Định Quán, Thống Nhất, Tân Phú, Tân An, Nha Bích, Đồng Phú, Tân Lợi, Đồng Tâm, Thuận Lợi, Lộc Ninh, Lộc Hưng, Lộc Quang, Tân Khai, Minh Đức, Tân Hưng, Tân Quan . - Các phường: Bảo Vinh, Bình Lộc, Phước Bình.	Hệ số 0,1
XXVII	TỈNH TÂY NINH	
1	Các xã: Hưng Điền, Vĩnh Hưng, Khánh Hưng, Bình Hiệp, Mỹ Quý, Đông Thành, Bình Thành.	Hệ số 0,3
2	Các xã: Dương Minh Châu, Tân Thành, Phước Chỉ, Tân Đông, Tân Hoà, Tân Lập, Tân Biên, Phước Vinh, Hoà Hội, Ninh Điền, Long Chử, Long Thuận, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng, Vĩnh Châu, Tuyên Bình, Bình Hòa, Mộc Hóa, Tuyên Thạnh, Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Đức Huệ, Thạnh Lợi, Mỹ Thạnh, Tân Long, Long Hựu, Phước Vĩnh Tây, Tân Lập, Thạnh Phước . - Các phường: Kiến Tường .	Hệ số 0,2
3	- Các xã: Hưng Thuận, Lộc Ninh, Cầu Khởi, Tân Phú, Tân Hội, Thạnh Bình, Bến Cầu, Tân Thạnh, Thuận Mỹ, Bình Đức, Mỹ An, Vàm Cỏ, Thạnh Hóa, Tân Tây, An Ninh, Tân Châu, Thủ Thừa, Cần Đức, Cần Giuộc . - Các phường: Bình Minh, Ninh Thạnh.	Hệ số 0,1
XXVIII	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
1	Đặc khu Côn Đảo	Hệ số 0,7
2	Đơn vị khác: Trạm đèn biển Bãi Cạnh.	Hệ số 0,4
3	Các xã: Châu Đức, Kim Long, Xuân Sơn, Bàu Lâm, Hoà Hiệp, An Long, Phước Thành, Bắc Tân Uyên, Thường Tân .	Hệ số 0,2

4	- Các xã: Thạnh An, Cần Giờ, An Thới Đông, Bình Khánh, Ngãi Giao, Nghĩa Thành, Bình Giã, Xuyên Mộc, Hoà Hội, Bình Châu, Phước Hòa, Phú Giáo, Long Hòa, Minh Thạnh. - Các đơn vị khác: Các trạm đèn biển: Vũng Tàu, Cầu Đá, Cao Trạng, Cần Gió A Vạn; Các trạm luồng sông; Phú Mỹ - Thị Vải, Phước Hoà - Thị Vải.	Hệ số 0,1
XXIX	TỈNH ĐỒNG THÁP	
1	- Các xã: Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ, Thường Phước, Phú Cường. - Các phường: Hồng Ngự, Thường Lạc.	Hệ số 0,2
2	Các xã: An Phước, Tân Long, Thanh Bình, Bình Thành, Long Khánh, Long Phú Thuận, Ba Sao, Phong Mỹ, Mỹ Hiệp, Bình Hàng Trung, Tháp Mười, Mỹ Quý, Thanh Mỹ, Đốc Binh Kiều, Trường Xuân, Phương Thịnh, An Long, Tam Nông, Phú Thọ, Tràm Chim, An Hoà, Tân Khánh Trung, Phú Hựu, Tân Nhuận Đông, Tân Thạnh.	Hệ số 0,1
XXX	TỈNH AN GIANG	
1	Đặc khu Thỏ Châu.	Hệ số 0,7
2	- Các xã: Sơn Hải, Hòn Nghệ. - Các đặc khu: Phú Quốc, Kiên Hải.	Hệ số 0,5
3	- Xã Tiên Hải.	Hệ số 0,4
4	- Các xã: Kiên Lương, Hoà Điền, Giang Thành, Vĩnh Điều. - Phường Tô Châu.	Hệ số 0,2
5	- Xã Đất Mũi	Hệ số 0,3
6	- Phường Hà Tiên. - Đơn vị khác: Trạm đèn Hà Tiên.	Hệ số 0,1
XXXI	TỈNH CÀ MAU	
1	Các đơn vị khác: Các đảo: Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Buông, Hòn Đá Bạc, Hòn Dương.	Hệ số 0,5
2	Các xã: Khánh Lâm, Nguyễn Phích, Thanh Tùng, Tân Tiến, Tân Thuận, Đất Mới, Tam Giang.	Hệ số 0,2
3	Các xã: Trần Phán, Quách Phâm, Cái Đôi Vàm, Sông Đốc.	Hệ số 0,1
XXXII	BỘ CÔNG AN	
1	Trại giam Đại Bình thuộc tỉnh Lâm Đồng.	Hệ số 0,5
2	Các Trại giam: Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn Cát thuộc thành phố Cần Thơ, Hồng Ca thuộc tỉnh Lào Cai, Phân trại số 4, Trại giam Gia Trung thuộc tỉnh Gia Lai, Phân trại K2 trại giam Thanh Lâm thuộc tỉnh Thanh Hóa.	Hệ số 0,4
3	Các trại giam: Phân trại K2 trại giam Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Ninh, Thanh Cẩm thuộc tỉnh Thanh Hóa, Gia	Hệ số 0,3

	Trung thuộc tỉnh Gia Lai, Phân trại K1 trại giam An Điem thuộc thành phố Đà Nẵng, Tân Lập thuộc tỉnh Phú Thọ, Xuyên Mộc thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Bình Điền thuộc thành phố Huế, số 3 và số 6 thuộc tỉnh Nghệ An, Xuân Phước thuộc tỉnh Đắk Lắk, Vĩnh Quang thuộc tỉnh Phú Thọ, Phân trại K2 trại giam Ngọc Lý thuộc tỉnh Bắc Ninh, Phân trại số 3, Trại giam Nghĩa An thuộc tỉnh Quảng Trị, Kim Sơn thuộc tỉnh Gia Lai, A2 và Sông Cái thuộc tỉnh Khánh Hoà, Phân trại số 4 và Phân trại số 7 thuộc Trại giam Thủ Đức thuộc tỉnh Lâm Đồng, Tống Lê Chân thuộc tỉnh Đồng Nai.	
4	Các trại giam: Thanh Phong và số 5 thuộc tỉnh Thanh Hóa, An Phước thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Thủ Đức (không bao gồm Phân trại số 4 và phân trại số 7) thuộc tỉnh Lâm Đồng, Cái Tàu thuộc tỉnh Cà Mau, Thạnh Hòa thuộc tỉnh Tây Ninh, Xuân Lộc thuộc tỉnh Đồng Nai, Hoàng Tiến thuộc thành phố Hải Phòng, Ninh Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình.	Hệ số 0,2
5	Các trại giam: Cao Lãnh và Phước Hòa thuộc tỉnh Đồng Tháp, Kênh 7 thuộc tỉnh An Giang, Xuân Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, Cây Cầy và Long Hòa thuộc tỉnh Tây Ninh, Kênh 5 thuộc thành phố Cần Thơ, Định Thành thuộc tỉnh An Giang, Châu Bình thuộc tỉnh Vĩnh Long, Phân trại K1 trại giam Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Ninh, Phân trại K1 trại giam Ngọc Lý thuộc tỉnh Bắc Ninh, Phú Hòa thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Cơ sở giáo dục bắt buộc A1 thuộc tỉnh Đắk Lắk, Bến Giá thuộc tỉnh Vĩnh Long, Huy Khiêm thuộc tỉnh Lâm Đồng, Suối Hai thuộc thành phố Hà Nội, Xuân Hà thuộc tỉnh Hà Tĩnh, Trường giáo dưỡng số 2 và Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Trường giáo dưỡng số 4 thuộc tỉnh Đồng Nai.	Hệ số 0,1
XXXIII	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC	
1	- Đèo Hải Vân từ km 766 + 790 đến km 744 tuyến đường sắt Bắc – Nam (bổ sung) thuộc địa phận phường Hải Vân , thành phố Đà Nẵng. - Các đài phát sóng: Đài VN-1, Đài Chương Mỹ thuộc thành phố Hà Nội, Đài Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Ninh.	Hệ số 0,2
2	Các trạm đèn đảo: Ba Lạt thuộc tỉnh Hưng Yên; Quát Lâm thuộc tỉnh Ninh Bình; Ba Động thuộc tỉnh Vĩnh Long; Cao Trạm, Cao Thắng thuộc thành phố Cần Thơ.	Hệ số 0,1
3	Vùng biển Việt Nam (Lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trên biển thuộc Bộ Quốc phòng).	Hệ số 1,0

4	Vùng biển Việt Nam (Lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trên biển thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).	Hệ số 0,7
---	---	-----------